TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-12-2025
V/v "Ly hôn, xác định cha cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Mạnh và ông Vũ Minh Huấn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Minh Phương-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7-Lào Cai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lồ Kim Vân-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Lào Cai, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, về việc *"Ly hôn, xác định cha cho con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 19xx.
Địa chỉ: Tổ dân phố Hàm Rồng 4, phường S, tỉnh Lào Cai.
Bị đơn: Anh Trần Quốc HU, sinh năm 19xx.
Địa chỉ: Số nhà 35, thôn Ch, xã B, tỉnh Lào Cai.
Các đương sự đều có đơn xin xét xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày: Chị Trần Thị Thanh H và anh Trần Quốc HU tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại Uỷ ban nhân dân phường S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, lối sống không hợp dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, anh chị không sống chung từ tháng 8 năm 2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Trần Thị Thanh H xác định tình cảm không còn, đề nghị Toà án giải quyết chị được ly hôn với anh Trần Quốc HU.

Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Thanh H xác định trong thời gian chung sống không có con chung. Tuy nhiên, trước khi kết hôn chị Trần Thị Thanh H có quan hệ với người đàn ông khác, đến khi trong thời gian hôn nhân với anh Trần Quốc HU thì chị có sinh cháu Trần Kỳ An Nh, sinh ngày 23 tháng 7 năm 20xx là con riêng của chị, cháu không phải là con của anh Trần Quốc HU.

Về quan hệ tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ tài sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc HU trình bày: Trước khi kết hôn anh và chị Trần Thị Thanh H tìm hiểu yêu thương nhau. Đến ngày 10 tháng 7 năm 2025, anh Trần Quốc HU và chị Trần Thị Thanh H tự nguyện đăng ký kết hôn, tại Uỷ ban nhân dân phường S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Trần Thị Thanh H sống không chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Trong thời gian chung sống chị Trần Thị Thanh H có sinh con dự định đặt tên là Trần An Nh, sinh ngày 23 tháng 7 năm 20xx, nhưng anh nghi ngờ không phải là con của anh, nên anh chị cùng đưa cháu đi xét nghiệm ADN và cung cấp phiếu kết quả phân tích ADN của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền, phân tích mẫu ADN của anh Trần Quốc HU và cháu Trần Kỳ An Nh. Kết luận: Người có mẫu ADN ký hiệu 42000B và người có mẫu ADN ký hiệu 42000C, không có quan hệ huyết thống Cha-Con. Đề nghị Toà án xác định anh Trần Quốc HU và cháu Trần An Nh, tên sau khi khai sinh là cháu Trần Kỳ An Nh, sinh ngày 23 tháng 7 năm 20xx không phải là cha con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ tài sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Lào Cai: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh H được ly hôn chị Trần Quốc HU.

Không công nhận cháu Trần Kỳ An Nh, sinh ngày 23 tháng 7 năm 20xx là con của anh Trần Quốc HU. Chị Trần Thị Thanh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Trần Kỳ An Nh.

Chị Trần Thị Thanh H có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đăng ký hộ tịch về nhân thân và các vấn đề liên quan đến cháu Trần Kỳ An Nh theo quy định của pháp luật.

Tuyên án phí quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh H có đơn xin ly hôn, xác định cha con với anh Trần Quốc HU. Anh Trần Quốc HU có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 35, thôn Ch, xã B, tỉnh Lào Cai. Vì vậy, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7-Lào Cai theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số: 85/2025/QH 15 của Quốc Hội 15 ngày 25 tháng 6 năm 2025, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Anh Trần Quốc HU và chị Trần Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh H và anh Trần Quốc HU tự nguyện tìm hiểu kết hôn ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại Uỷ ban nhân dân phường Sa Pa, tỉnh Lào Cai là hôn nhân hợp pháp. Anh, chị đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do không hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm không còn, Anh, chị đều đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh Trần Quốc HU và chị Trần Thị Thanh H mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được và đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Trần Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần Quốc HU.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh chị không có con chung nên không đề cập giải quyết.

Trước khi kết hôn với anh Trần Quốc HU thì chị Trần Thị Thanh H có quan hệ với người khác, sau khi kết hôn chị Trần Thị Thanh H dự định đặt tên cháu Trần An Nh, sinh ngày 23 tháng 7 năm 20xx, khi đăng ký khai sinh tên con là Trần Kỳ An Nh. Chị Trần Thị Thanh H đề nghị Toà án xác định cháu Trần Kỳ An Nh không phải là con của anh Trần Quốc HU, cháu Trần Kỳ An Nh là con riêng của chị. Anh Trần Quốc HU đề nghị Toà án giải quyết công nhận cháu Trần Kỳ An Nh không phải là con của anh theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Hương thừa nhận chị sinh cháu Trần An Nh, sinh ngày 23 tháng 7 năm 20xx không phải là con của anh Hưng phù hợp phiếu kết quả phân tích ADN của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền, phân tích mẫu ADN của anh Trần Quốc HU, 33 tuổi, quan hệ cha giả định, loại mẫu: Máu, ngày thu mẫu 10 tháng 8 năm 2025, ký hiệu 42000B và cháu Trần An Nh, 22 tuần tuổi; quan hệ: Con, loại mẫu: Cuống rốn, ngày thu mẫu ngày 10 tháng 8 năm 2025, ký hiệu mẫu 42000C. Kết luận: Người có mẫu ADN ký hiệu 42000B và người có mẫu ADN ký hiệu 42000C, không có quan hệ huyết thống Cha-Con. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản kết luận giám định ADN thì xác định anh Trần Quốc HU và cháu Trần Kỳ An Nh không phải là bố - con, nên xác định cháu Trần Ký An Nh là con riêng của chị Trần Thị Thanh H. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 88, Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Trần Thị Thanh H có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đăng ký hộ tịch về nhân thân và các vấn đề liên quan đến cháu Trần Kỳ An Nh theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 88, Điều 89, Điều 101 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 4 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh H được ly hôn anh Trần Quốc HU. Quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị Thanh H và anh Trần Quốc HU được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Xác định cháu Trần Kỳ An Nh, sinh ngày 23 tháng 7 năm 20xx không phải là con của anh Trần Quốc HU. Chị Trần Thị Thanh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Trần Kỳ An Nh.

Chị Trần Thị Thanh H có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đăng ký hộ tịch về nhân thân và các vấn đề liên quan đến cháu Trần Kỳ An Nh theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Trần Thị Thanh H đã nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001791 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Trần Thị Thanh H nộp đủ số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh, khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND phường S ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Hà